

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2020/DS-PT

Ngày : 23 - 9 - 2020

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Ông Bùi Hữu Nhân

Các Thẩm phán:

Ông Huỳnh Châu Thạch

Ông Nguyễn Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Mai - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh L.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh L: Bà Đỗ Thị Thúy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh L; xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 121/TLPT-DS ngày 04 tháng 9 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2020/DS-ST ngày 28/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện D bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 301/2020/QĐ-PT ngày 08/9/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Quỳnh N, sinh năm 1991; địa chỉ: 32, thôn Tân Phú 2, xã Đ, huyện D, tỉnh L. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị N: Anh Ngô Tấn N, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện Đ, tỉnh L. Có mặt.

Văn bản ủy quyền ngày 22/9/2020.

- *Bị đơn:* Chị Đặng Thị Thùy L, sinh năm 1990; địa chỉ: 01, thôn Hàng Làng, xã G, huyện D, tỉnh L. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị L: Ông Lê Cao T, sinh năm: 1972; địa chỉ: 135 N, Phường 2, thành phố Đ. Có mặt.

Văn bản ủy quyền ngày 15/01/2020.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Ngô Tấn N; sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện Đ, tỉnh L. Có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn chị Đặng Thị Thùy L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

Tại đơn khởi kiện ngày 25/11/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 18/12/2019 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Trần Thị Quỳnh N trình bày:

Do quen biết nên từ đầu tháng 6 năm 2019 đến ngày 24/7/2019, chị N cho chị L vay tiền nhiều lần với lãi suất 1,8%/tháng gồm các khoản sau: Đầu tháng 6/2019 chị L vay 1.000.000.000 đồng; 10 ngày sau chị L vay thêm 200.000.000 đồng; 10 ngày sau chị L vay thêm 500.000.000 đồng; 10 ngày sau chị L vay thêm 500.000.000 đồng. Trong các lần vay tiền nêu trên, khi vay tiền chị L đều viết giấy vay giao cho chị N, khi vay thêm tiền chị L lại viết giấy khác nhận vay tổng số tiền tính đến thời điểm đó giao cho chị N và yêu cầu chị N trả lại giấy vay đã viết trước đó. Đến ngày 24/7/2019, chị L vay thêm 900.000.000 đồng và viết “GIẤY VAY TIỀN” với nội dung nhận vay của chị N tổng các khoản vay là 3.100.000.000 đồng. Do đến nay chị L không trả nợ vay cho chị N nên chị N làm đơn khởi kiện yêu cầu chị L trả cho vợ chồng chị N, anh Nhất số tiền vay là 3.100.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của chị N, đồng thời là chồng của chị N thừa nhận từ ngày 16/7/2019 đến ngày 25/7/2019, chị L đã 12 lần chuyển vào tài khoản trả cho vợ chồng chị N, anh Nhất được tổng số tiền 230.000.000 đồng. Nay anh Nhất đề nghị trừ vào nợ lãi phát sinh là 57.000.000 đồng gồm các khoản lãi tính trên từng khoản vay như sau:

- Lãi của số tiền vay 1.000.000.000 đồng theo mức 1,8%/tháng trong thời gian 10 ngày là 6.000.000 đồng;

- Lãi của số tiền vay 1.200.000.000 đồng theo mức 1,8%/tháng trong thời gian 10 ngày là 7.250.000 đồng;

- Lãi của số tiền vay 1.700.000.000 đồng theo mức 1,8%/tháng trong thời gian 10 ngày là 10.250.000 đồng;

- Lãi của số tiền vay 2.200.000.000 đồng theo mức 1,8%/tháng trong thời gian 10 ngày là 13.250.000 đồng;

- Lãi của số tiền vay 2.200.000.000 đồng theo mức 1,8%/tháng trong thời gian 15 ngày là 20.250.000 đồng.

Do chị L đã trả được 230.000.000 đồng nên sau khi trừ đi số tiền lãi 57.000.000 đồng, còn lại 173.000.000 đồng anh Nhất đồng ý trừ vào nợ gốc 3.100.000.000 đồng và yêu cầu chị L trả số nợ gốc còn lại là 2.927.000.000 đồng và lãi phát sinh như đã nêu trên.

Bị đơn chị Đặng Thị Thùy L trình bày:

Chị L thừa nhận có nhiều lần vay tiền của chị N nhưng đều vay với lãi suất 3.500 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, nếu quá hạn phải trả lãi 4.500 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày. Chị L thừa nhận có viết và ký “GIẤY VAY TIỀN” ghi ngày 24/7/2019 do chị N giao nộp làm chứng cứ. Tuy nhiên vào ngày 24/7/2019 chị L chỉ vay của chị N 500.000.000 đồng, số tiền còn lại 2.600.000.000 đồng là tiền lãi của các khoản vay trước đó. Chị L đã trả cho chị N số tiền lãi nhiều lần và nhiều hơn số nợ gốc đã vay nhưng không biết cụ thể số tiền gốc chị L đã vay là bao nhiêu, không biết số tiền lãi chị L đã trả cho chị N là bao nhiêu nên chị L không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị N.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2020/DS-ST ngày 28/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện D đã xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Quỳnh N. Buộc chị Đặng Thị Thùy L phải trả cho chị Trần Thị Quỳnh N, anh Ngô Tấn N số tiền 2.922.220.000 đồng.

Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Quỳnh N về việc yêu cầu chị Đặng Thị Thùy L trả số tiền 4.780.000 đồng.

Ngoài ra quyết định của bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 07/8/2020, bị đơn chị Đặng Thị Thùy L kháng cáo đối với toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2020/DS-ST ngày 28/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện D. Yêu cầu hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện D hoặc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Quỳnh N.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của chị L là ông Tánh vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị chấp nhận kháng cáo. Người đại diện theo ủy quyền của chị N, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nhất không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị L, đề nghị giải quyết như bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh L tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, cụ thể: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa dân sự phúc thẩm; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn chị L; sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng buộc chị L phải có trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng chị N, anh Nhất số tiền nợ gốc là 2.896.110.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của bị đơn chị L:

Theo Giấy vay tiền (bút lục số 16) thể hiện: Ngày 24/7/2019, chị L có vay của chị N số tiền 3.100.000.000 đồng, không thể hiện thời hạn vay, không thể hiện lãi suất của khoản tiền vay, có chữ ký xác nhận của bên vay là chị L.

Chị L cũng thừa nhận có viết và ký giấy vay tiền nêu trên nhưng cho rằng ngày 24/7/2019 chị chỉ vay của chị N 500.000.000 đồng, còn lại số tiền 2.600.000.000 đồng là tiền lãi của các khoản vay trước đó, các khoản vay trước đó thì chị N tính lãi cao với mức lãi suất 3.500 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, nếu quá hạn thì phải trả lãi 4.500 đồng/1.000.000 đồng/ 1 ngày. Trong khi đó, chị N lại không thừa nhận lời trình bày của chị L và cho rằng mức lãi suất vay mà hai bên thỏa thuận là 1,8%/tháng. Như vậy, có căn cứ xác định khoản vay giữa chị L và chị N là khoản vay có lãi suất và các bên có tranh chấp về mức lãi suất đối với khoản vay.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì:

“Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý và được trả lãi đến thời điểm nhận lại tài sản, còn bên vay cũng có quyền trả lại tài sản bất cứ lúc nào và chỉ phải trả lãi cho đến thời điểm trả nợ, nhưng cũng phải báo trước cho bên cho vay một thời gian hợp lý”.

Và ngày 25/11/2019, chị N khởi kiện đối với khoản vay trên và được Tòa án xem xét, giải quyết đơn khởi kiện là đúng quy định của pháp luật.

Và khoản vay trên cũng được các bên xác nhận là vay làm nhiều lần và đến ngày 24/7/2019 mới chốt nợ thành số tiền 3.100.000.000 đồng, phù hợp với nội dung Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Hòa Ninh L II xác nhận việc sao kê giao dịch chuyển tiền từ tài khoản thể hiện chị L có 12 lần chuyển khoản cho chị N và anh Nhất, thời gian thực hiện việc chuyển khoản ngày đầu tiên là ngày 15/7/2019 và ngày cuối cùng là ngày 24/7/2019 (bút lục số 35).

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 thể hiện:

“1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”.

Như vậy, do các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và chị L cho rằng chị N tính lãi quá cao nên có tranh chấp về lãi suất. Do đó, mức lãi suất để áp dụng tính trong trường hợp này là 10%/năm tương ứng với 0,83%/tháng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại áp dụng mức lãi suất 20%/năm đối với khoản nợ gốc là trái quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị L vì như phân tích nêu trên thì do các bên có thỏa thuận lãi suất nhưng không thỏa thuận mức lãi suất cụ thể, nay các bên có tranh chấp về lãi suất thì mức lãi suất áp dụng để tính chỉ là 10%/năm chứ không phải 20%/năm. Do đó, cần sửa bản án sơ thẩm về phần lãi suất. Cụ thể, mức lãi suất được tính như sau:

- Lãi của số tiền vay 1.000.000.000 đồng theo mức 10%/năm trong thời gian 10 ngày là 2.777.778 đồng;

- Lãi của số tiền vay 1.200.000.000 đồng theo mức 10%/năm trong thời gian 10 ngày là 3.333.333 đồng;

- Lãi của số tiền vay 1.700.000.000 đồng theo mức 10%/năm trong thời gian 10 ngày là 4.722.222 đồng;

- Lãi của số tiền vay 2.200.000.000 đồng theo mức 10%/năm trong thời gian 10 ngày là 6.111.111 đồng;

- Lãi của số tiền vay 2.200.000.000 đồng theo mức 10%/năm trong thời gian 15 ngày là 9.166.667 đồng.

Tổng số tiền lãi chị L phải chịu theo mức 10%/năm đối với số tiền nợ gốc nêu trên là 26.111.111 đồng.

Như vậy, có căn cứ xác định chị L phải trả cho chị N, anh Nhất số tiền nợ gốc là 3.100.000.000 đồng và 26.111.111 đồng. Tổng cộng là 3.126.111.111 đồng.

Theo sao kê giao dịch chuyển tiền từ tài khoản được Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Hòa Ninh L II xác nhận vào ngày 19/02/2020 (bút lục số 35) thể hiện nội dung: Chị L có 12 lần chuyển khoản cho chị N và anh Nhất, cụ thể như sau:

Ngày 15/7/2019, chị L chuyển hai lần tiền vào tài khoản đứng tên anh Nhất, mỗi lần chuyển số tiền 25.000.000 đồng, tổng cộng hai lần chuyển là 50.000.000 đồng.

Ngày 17/7/2019, chị L chuyển bốn lần tiền vào tài khoản đứng tên anh Nhất, mỗi lần chuyển số tiền 25.000.000 đồng, tổng cộng bốn lần chuyển là 100.000.000 đồng.

Ngày 20/7/2019, chị L chuyển một lần tiền vào tài khoản đứng tên anh Nhất, với số tiền 5.000.000 đồng.

Ngày 22/7/2019, chị L chuyển ba lần tiền vào tài khoản đứng tên chị N, một lần chuyển số tiền 25.000.000 đồng, một lần chuyển số tiền 14.000.000

đồng, một lần chuyển số tiền 11.000.000 đồng, tổng cộng ba lần chuyển là 50.000.000 đồng.

Ngày 23/7/2019, chị L chuyển một lần tiền vào tài khoản đứng tên chị N, với số tiền 20.000.000 đồng.

Ngày 24/7/2019, chị L chuyển một lần tiền vào tài khoản đứng tên anh Nhất, với số tiền 5.000.000 đồng.

Tổng cộng 12 lần chị L chuyển khoản cho chị N và anh Nhất với tổng số tiền là 230.000.000 đồng.

Số tiền chị L đã trả cho chị N, anh Nhất là 230.000.000 đồng, cần trừ vào số tiền chị L vay của chị N, anh Nhất là 3.126.111.111 đồng, nên chị L còn nợ chị N, anh Nhất số tiền 2.896.111.111 đồng.

Với những phân tích trên, cần sửa bản án sơ thẩm về phần tính lãi theo hướng nhận định trên là có căn cứ.

Do đó, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn chị L, sửa bản án sơ thẩm về phần tính lãi.

Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định chung. Do kháng cáo được chấp nhận một phần và sửa bản án sơ thẩm nên bị đơn chị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho chị L số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà chị L đã tạm nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn chị Đặng Thị Thùy L.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2020/DS-ST ngày 28/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện D về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” giữa nguyên đơn chị Trần Thị Quỳnh N; bị đơn chị Đặng Thị Thùy L, cụ thể như sau:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Quỳnh N về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” với chị Đặng Thị Thùy L.

Buộc chị Đặng Thị Thùy L phải trả cho chị Trần Thị Quỳnh N, anh Ngô Tấn N số tiền 2.896.111.111 đồng (*hai tỷ tám trăm chín mươi sáu triệu một trăm mười một nghìn một trăm mười một đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả số tiền lãi tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, theo quy định khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

2. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Quỳnh N về việc yêu cầu chị Đặng Thị Thùy L trả số tiền 30.888.889 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm:

Buộc chị Đặng Thị Thùy L phải chịu 89.922.222 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị L đã tạm nộp theo biên lai thu số 0001498 ngày 10/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D, tỉnh L. Chị L còn phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm còn thiếu là 89.622.222 đồng.

Buộc chị Trần Thị Quỳnh N phải chịu 1.544.444 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 47.000.000 đồng mà chị N đã tạm nộp theo biên lai thu số 0014593 ngày 06/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D, tỉnh L. Hoàn trả cho chị Trần Thị Quỳnh N số tiền tạm ứng án phí còn dư là 45.455.556 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh L;
- Phòng KTNV&THA;
- TAND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Các đương sự (04);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Bùi Hữu Nhân

